TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 299/2017/HNGĐ-ST Ngày: 25 – 12 - 2017 V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Vinh;

Bà Trần Thị Kim D.

- Thư ký phiên tòa: Vũ Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2017/TLST-HNGĐ, ngày 24/10/2017 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 08/12/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nông Thị D,** sinh năm 1996;
Địa chỉ: ĐKNKTT: Xóm 3, xã TL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.
Chỗ ở: Thôn L Q, xã B N, huyện C H, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh **Lê Xuân T,** sinh năm 1992;
Địa chỉ: Xóm 3, xã TL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.
Chị D có mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nông Thị D trình bày: Chị và anh Lê Xuân T kết hôn có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã T L, huyện Y S, tỉnh Tuyên Quang. Kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống tại Xóm 3, xã TL, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng chị sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn. Vợ chồng chị đã sống ly thân thừ tháng 4/2017, không ai quan tâm đến ai, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân T.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng chị không có con chung.

Về tài sản chung và vay nợ: Anh chị không có tài sản chung và không vay nợ ai, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về chứng cứ chị Nông Thị D cung cấp cho Toà án:

- 01 đơn xác nhận có đăng ký kết hôn;
- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nông Thị D (bản sao);
- 01 dịch vụ chuyển phát nhanh.

Tại biên bản lấy lời khai anh Lê Xuân T, anh T trình bày: Anh và chị D quen biết nhau khoảng 2 - 3 tháng, hai người tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã, được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục. Sau khi cưới chị D về chung sống cùng gia đình anh ở thôn 3, xã TL huyện Y S. Cách đây khoảng 1 năm chị D đưa con của chị D bỏ về quê và không quay lại nữa. Anh nhận thấy chị D không còn thương yêu anh và không còn tình cảm với anh nữa, chị D đề nghị ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh xác nhận anh với chị D không có con chung.

Về tài sản chung và vay nợ: Anh và chị D không có tài sản chung và không vay nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án giao thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T theo quy định của pháp luật đến Toà án để giải quyết vụ án nhưng anh T đều vắng mặt. Anh Lê Xuân T có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Kết quả xác minh tại thôn 3, xã T L xác định: Chị Nông Thị D và anh Lê Xuân T kết hôn có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn chị D về chung sống cùng gia đình anh T. Nhưng từ khoảng tháng 3/2017 chị D đã về quê (huyện C H) sinh sống, sống ly thân với anh T. Anh T, chị D không có con chung, tài sản chung. Anh T, chị D có nợ chung hay không thôn không rõ.

Tại phiên toà chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị xin ly hôn anh Lê Xuân T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành các hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ, thông báo, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội D: Đề nghị xử cho chị Nông Thị D được ly hôn anh Lê Xuân T. Chị Nông Thị D phải chịu án phí ly hôn. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và bản trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

(1). Về tố tụng:

Anh Lê Xuân T cư trú tại thôn 3, xã T L, huyện Y S. Chị Nông Thị D có đơn khởi kiện ly hôn. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định cho anh Lê Xuân T để giải quyết vụ án, anh T đều vắng mặt nên Toà án không tiến hành phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải được do đó vụ án không tiến hành hòa giải được. Anh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 72, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

(2) Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị D và anh Lê Xuân T có đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị D cho rằng vợ chồng không có hạnh phúc, tính tình không hợp thường xuyên cãi nhau, anh T xác định vợ chồng hoà thuận, cách đây khoảng 1 năm chị D bỏ đi và không quay trở lại nữa. Nay chị D đề nghị ly hôn anh hoàn toàn nhất trí, hiện nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến nhau nữa. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T không còn, đời sống chung có, mục đích hôn nhân không đạt được.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nông Thị D, Hội đồng xét xử cho chị Nông Thị D được ly hôn với anh Lê Xuân T là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

(3) Về con chung: Chị Nông Thị D và anh Lê Xuân T không có con chung.

(4) Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nông Thị D và anh Lê Xuân T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai.

(5) Về án phí: Chị Nông Thị D phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

(6) Chị Nông Thị D, anh Lê Xuân T được quyền kháng cáo theo quy đinh của Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị D xin ly hôn anh Lê Xuân T.

Tuyên xử:

1. Cho chị Nông Thị D được ly hôn với anh Lê Xuân T.

2. Về án phí: Chị Nông Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004411 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị D đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, chị Nông Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;(nt)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã T L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Anh Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân: **Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Kim D **Hà Thị Vinh** **Phan Anh Thành**